

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 8 - 2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp con cH, trả
nợ cH

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Thôn; bà Lò Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị B, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Bản Nà Ng, xã Mường H, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn H, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Bản Nà Ng, xã Mường H, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Sông Mã. Người đại diện: Bà Lù Thị Ch – Chức vụ: Phó Giám đốc. Có mặt

NỘI D V U ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị B trình bày:

Tôi kết hôn với anh Lương Văn H ngày 10/02/2014 trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc và đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND xã Yên Hưng, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (cũ), nay là UBND xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói cH, thường xuyên xảy ra cãi vã. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, tôi đã về nhà bố mẹ đẻ ở bản Bang, xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La sống, vợ chồng tôi sống ly thân với

nhau từ tháng 9/2025 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì không quan tâm gì đến nhau. Từ những mâu thuẫn nêu trên tôi đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lường Văn H.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung: Lường Xuân D, sinh ngày 19/11/2014. Hiện nay con đang ở với bố là anh Lường Văn H ở bản Nà Ng, xã Mường H, tỉnh Sơn La. Sau khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con cH cho đến khi đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 ngôi nhà xây cấp 4; 01 chiếc xe máy. Các tài sản này hiện nay do anh H đang quản lý sử dụng, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tiền tiết kiệm số tiền là 4.000.000đ. Tôi không yêu cầu chia mà giao lại cho anh H quản lý sử dụng.

- Nợ chung: Quá trình cH sống vợ chồng tôi có vay nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội Sông Mã số tiền là 80.000.000đ. Tôi đề nghị Tòa án chia khoản nợ chung tại Ngân hàng là 80.000.000đ, mỗi người chịu trách nhiệm trả 40 triệu đồng.

Bị đơn anh Lường Văn H trình bày: Tôi và chị Lò Thị B kết hôn với nhau từ ngày 10/02/2014 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Được UBND xã Yên Hưng, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là UBND xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La) cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn tôi và chị B sống riêng tại bản Nà Ng, xã Mường H, tỉnh Sơn La, chúng tôi cH sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2025 thì chị B đi làm ăn xa sau đó bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại bản Bang, xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La. Tôi xác định giữa tôi và chị B không phát sinh mâu thuẫn trong quá trình cH sống. Trong thời gian chị B bỏ về nhà ngoại tôi có đến nhà tìm cách hàn gắn, mong chị quay về, cả hai bên gia đình cũng khuyên bảo đoàn tụ nhưng không cải thiện được. Nay chị B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không nhất trí ly hôn. Tôi vẫn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình cH sống chúng tôi có 01 con chung: Lường Xuân D, sinh ngày 19/11/2014. Hiện nay con cH đang ở cùng tôi tại bản Nà Ng, xã Mường H, tỉnh Sơn La. Trong trường hợp chị B nhất quyết ly hôn tôi đề nghị được nuôi dưỡng con cH cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tôi không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 ngôi nhà xây cấp 4; 01 chiếc xe máy; tiền tiết kiệm 4.000.000 đồng. Các tài sản này hiện nay do tôi đang quản lý sử dụng, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ cH: Chúng tôi có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Sông Mã số tiền 80.000.000đ. Hoàn cảnh của tôi hiện nay đang rất khó khăn, tôi đề nghị chị B thanh toán 50.000.000đ, tôi nhận thanh toán 30.000.000đ. Ngoài ra chúng tôi không có khoản nợ cH nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Sông Mã vắng mặt nhưng có văn bản trình bày: Ngày 09/11/2023 Ngân hàng CSXH Sông Mã có giải ngân cho anh Lường Văn H và chị Lò Thị B, cùng cư trú tại: Bản Nà Ng, xã Mường H, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là bản Nà Ng, xã Mường H, tỉnh Sơn La) vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 6,6%/năm. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/11/2028. Nay chị Lò Thị B và anh Lường Văn H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì Ngân

hàng CSXH Sông Mã đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Lường Văn H và chị Lò Thị B phải trả cho Ngân hàng CSXH số tiền là 80.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/7/2026 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi hòa giải chị B và anh H thống nhất được các nội D như sau:

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lường Xuân D, sinh ngày 19/11/2014. Anh Lường Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cH là Lường Xuân D, sinh ngày 19/11/2014 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh chị thống nhất có 01 ngôi nhà xây cấp 4; 01 chiếc xe máy. Các tài sản này hiện nay do anh H đang quản lý sử dụng, anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị thống nhất nợ Ngân hàng CSXH Sông Mã số tiền 80.000.000 đồng và yêu cầu Toà án phân chia trách nhiệm trả nợ cH theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Pháp luật và các thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị B được ly hôn với anh Lường Văn H

Về con chung: Giao cháu Lường Xuân D, sinh ngày 19/11/2014 cho anh Lường Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lò Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H.

Về tài sản chung: Chị Lò Thị B và anh Lường Văn H thống nhất được tài sản cH được tạo lập gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4; 01 chiếc xe máy; tiền tiết kiệm 4.000.000 đồng. Chị B không yêu cầu được chia mà giao lại toàn bộ tài sản nêu trên cho anh H quản lý sử dụng, nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về nợ chung: Chị B và anh H thống nhất nợ Ngân hàng CSXH Sông Mã số tiền 80.000.000 đồng. Nên đề nghị buộc chị B và anh H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Sông Mã mỗi người phải trả là 40.000.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Các đương sự được miễn nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị B khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Văn H và giải quyết vấn đề về con cH, trách nhiệm trả nợ cH nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con cH, trả nợ cH”, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Lường Văn H có địa chỉ tại xã Mường H, tỉnh Sơn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị B và anh Lường Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Hưng, tỉnh Sơn La vào ngày 10/02/2014 (nay là UBND xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La), việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc, khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị B và anh H xuất phát từ việc hai vợ chồng tính cách khác nhau, bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống cH không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị B ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con cH: Chị Lò Thị B và anh Lường Văn H có 01 con cH là Lường Xuân D, sinh ngày 19/11/2014. Chị B và anh H thống nhất: Anh Lường Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con cH Lường Xuân D, sinh ngày 19/11/2014 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Lò Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H.

[4] Về tài sản cH: Chị Lò Thị B và anh Lường Văn H thống nhất được tài sản cH được tạo lập gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4; 01 chiếc xe máy; tiền tiết kiệm 4.000.000 đồng. Chị B không yêu cầu được chia mà giao lại toàn bộ tài sản nêu trên cho anh H quản lý sử dụng. Hiện tại những tài sản này đang do anh H quản lý sử dụng, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ cH: Chị Lò Thị B và anh Lường Văn H thống nhất nợ Ngân hàng CSXH Sông Mã số tiền 80.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Sông Mã xác nhận anh Lương Văn H và chị Lò Thị B còn nợ số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và yêu cầu anh H và chị B có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên hoà giải ngày 29/7/2026 chị B nhận trả số nợ cH là 40.000.000 đồng. Anh H đề nghị chị B có trách nhiệm trả nợ cH là 45.000.000 đồng, anh H có trách nhiệm trả 35.000.000 đồng nhưng chị B không đồng ý và yêu cầu Toà án phân chia trách nhiệm trả nợ cH theo quy định của pháp luật.

Về nguyên tắc: Tài sản cH, nợ cH trong thời kỳ hôn nhân phải được chia đôi. Do vậy, cần buộc chị Lò Thị B và anh Lương văn H phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Sông Mã, mỗi người là 40.000.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả xong khoản nợ.

[5] Về án phí: Các đương sự là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được xem xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị B đối với anh Lương Văn H.

Xử cho chị Lò Thị B được ly hôn anh Lương Văn H

2. Về con chung: Giao cho anh Lương Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương Xuân D, sinh ngày 19/11/2014 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Lò Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H. Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Chị Lò Thị B và anh Lương Văn H thống nhất được tài sản chung được tạo lập gồm: 01 ngôi nhà xây cấp 4; 01 chiếc xe máy; tiền tiết kiệm 4.000.000 đồng. Chị B không yêu cầu được chia mà giao lại toàn bộ tài sản nêu trên

cho anh H quản lý sử dụng. Hiện tại những tài sản này đang do anh H quản lý sử dụng, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Buộc chị Lò Thị B và anh Lường Văn H phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Sông Mã như sau:

- Chị Lò Thị B phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Sông Mã số tiền là 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ.

- Anh Lường Văn H phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Sông Mã số tiền là 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*) và lãi phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ.

Thời điểm bắt đầu trả nợ tính từ ngày 18/8/2026.

"Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán".

6. Về án phí: Các đương sự được miễn án phí sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2026).

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 34; Điều 36 Luật Thi hành án dân sự 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La (02);
- Các đương sự;
- UBND xã Chiềng Sơ, tỉnh Sơn La;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Sơn La;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lô Văn Long